TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 89/2018/DS-ST Ngày: 14-6-2018 V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp hụi giữa ông H, bà D với bà Y.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Mai Thị Thu Hà

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên tòa:* Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về "*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 123/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông N V H, sinh năm 1974 (có mặt)
Bà L T D, sinh năm 1976 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 5, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Bà P T Y, sinh năm 1972 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11-6-2018)
Nơi cư trú: Tổ 04, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 05-01-2018, Biên bản lấy lời khai ngày 02-3-2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông N V H, bà L T D trình bày: Ông bà có tham gia chơi các dây hụi do bà P T Y làm chủ như sau:

+Dây hụi 1.000.000đ, hụi kỳ, 15 ngày khui một lần, khui lần đầu ngày 15-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 11-02-2017, tổng số 35 phần, ông bà tham gia 2

phần lấy tên Út H trong danh sách hụi, 2 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 23 ngày 15-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 01-01-2018 thì ngưng do bà Y tuyên bố bể hụi; Ông bà đóng 2 phần hụi sống 22 lần là 32.720.000đ.

+Dây hụi 2.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 05-01-2015 âm lịch, nhằm ngày 23-02-2015, tổng số 27 phần, ông bà tham gia 1 phần lấy tên Út H trong danh sách hụi, 1 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 25 ngày 05-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 01-02-2017 thì ngưng do bà Y tuyên bố bể hụi; Ông bà đóng 1 phần hụi sống 24 lần là 30.990.000đ.

+Dây hụi 3.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 20-6-2017 âm lịch, nhằm ngày 13-7-2017, tổng số 25 phần, ông bà tham gia 1 phần lấy tên Út H trong danh sách hụi, 1 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 6 ngày 20-10-2017 âm lịch, nhằm ngày 07-12-2017 thì ngưng do bà Y tuyên bố bể hụi; Ông bà đóng 1 phần hụi sống 5 lần là 9.900.000đ.

Tổng cộng số tiền ông bà đóng hụi sống là 73.610.000đ.

Nay ông bà yêu cầu bà P T Y có nghĩa vụ trả lại ông bà tiền đóng hụi sống là 73.610.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ông bà không yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Y.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15-3-2018, bị đơn bà P T Y trình bày: Ông N V H, bà L T D có tham gia chơi các dây hụi do bà làm chủ như sau:

+Dây hụi 1.000.000đ, hụi kỳ, 15 ngày khui một lần, khui lần đầu ngày 15-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 11-02-2017, tổng số 35 phần, ông H, bà D tham gia 2 phần lấy tên Út H trong danh sách hụi, 2 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 23 ngày 15-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 01-01-2018 thì ngưng do bể hụi; Ông H, bà D đóng 2 phần hụi sống 22 lần là 32.720.000đ.

+Dây hụi 2.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 05-01-2015 âm lịch, nhằm ngày 23-02-2015, tổng số 27 phần, ông H bà D tham gia 1 phần lấy tên Út H trong danh sách hụi, 1 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 25 ngày 05-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 01-02-2017 thì ngưng do bể hụi; Ông H bà D đóng 1 phần hụi sống 24 lần là 30.990.000đ.

+Dây hụi 3.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 20-6-2017 âm lịch, nhằm ngày 13-7-2017, tổng số 25 phần, ông H, bà D tham gia 1 phần lấy tên Út H trong danh sách hụi, 1 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 6 ngày 20-10-2017 âm lịch, nhằm ngày 07-12-2017 thì ngưng do bể hụi; Ông H, bà D đóng 1 phần hụi sống 5 lần là 9.900.000đ.

Tổng cộng số tiền ông H, bà D đóng hụi sống là 73.610.000đ

Nay trước yêu cầu đòi tiền đóng hụi sống của ông H bà D, bà xác định còn nợ tiền đóng hụi sống của ông H bà D là 73.610.000đ, bà đồng ý trả cho ông H bà D số tiền trên, yêu cầu ông H bà D không tính lãi. Về phương thức thanh toán bà sẽ bán tài sản để trả nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn bà P T Y, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn bà Y.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào đơn khởi kiện. Đối chiếu quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 471; Điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng góp hụi.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ địa chỉ bị đơn, đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ danh sách hụi do nguyên đơn cung cấp; Biên bản lấy lời khai của bà L T D ngày 13-3-2018 và Biên bản bản lấy lời khai của bà P T Y ngày 15-3-2018. Ngày 05-01-2018, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 429; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ danh sách hụi do nguyên đơn cung cấp (bút lục 02-05);

Căn cứ Biên bản lấy lời khai bà L T D ngày 13-3-2018 (bút lục 29-33);

Căn cứ Biên bản lấy lời khai bà P T Y ngày 15-3-2018 (bút lục 34-37),

Từ các căn cứ trên có cơ sở kết luận giữa nguyên đơn ông H bà D và bị đơn bà Y có phát sinh quan hệ hợp đồng góp hụi, việc góp hụi này đã không kết thúc mà bị bể hụi vào tháng 11/2017 âm lịch. Nguyên đơn trình bày số tiền đóng hụi sống là 73.610.000đ và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền này, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn trình bày số tiền đóng hụi sống của nguyên đơn là 73.610.000đ, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này nhưng yêu cầu được bán tài sản trả nợ dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp hiệu lực của các hợp đồng góp hụi. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hụi sống đã đóng, không yêu cầu tính lãi. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét hiệu lực của các hợp đồng góp hụi.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thống nhất số tiền đóng hụi sống của nguyên đơn các dây hụi như sau:

1/Dây hụi 1.000.000đ, khui lần đầu ngày 15-01-2017 âm lịch, nhằm ngày 11-02-2017, nguyên đơn đóng hụi sống tổng cộng 32.720.000đ.

2/Dây hụi 2.000.000đ, khui lần đầu ngày 05-01-2015 âm lịch, nhằm ngày 23-02-2015, nguyên đơn đóng hụi sống tổng cộng 30.990.000đ.

3/Dây hụi 3.000.000đ, khui lần đầu ngày 20-6-2017 âm lịch, nhằm ngày 13-7-2017, nguyên đơn đóng hụi sống tổng cộng 9.900.000đ.

Tổng cộng 3 dây hụi trên nguyên đơn đã đóng hụi sống là 73.610.000đ.

Bị đơn đồng ý trả số tiền trên cho nguyên đơn. Tòa án tổ chức hòa giải bị đơn có đơn xin không tham gia hòa giải.

[5.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn ông N V H, bà L T D:* Xét mối quan hệ tranh chấp trên, Hội đồng xét xử nhận thấy phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hụi, dẫn đến các dây hụi bị bể hụi. Số tiền thực đóng hụi sống của nguyên đơn là 73.610.000đ. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán một lần số tiền nợ hụi là 73.610.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 và Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] *Đối với bị đơn bà P T Y trình bày:* Thống nhất và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền đóng hụi sống là 73.610.000đ, nhưng không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, bị đơn bà Y phải chịu hậu quả pháp lý của việc không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa.

[6] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bà D, nên ông H, bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông H, bà D 2.069.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003260 ngày 18-01-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bà D, buộc bị đơn bà Y có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn ông H, bà D 73.610.000đ nên bị đơn bà Y phải chịu 3.680.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn ông N V H, bà L T D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14-6-2018).

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Các Điều 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Điều 429; Điều 471; Điểm b, d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N V H, bà L T D.

[2] Buộc bị đơn bà P T Y phải trả một lần cho nguyên đơn ông N V H, bà L T D số tiền đóng hụi sống còn nợ là 73.610.000đ (bảy mươi ba triệu sáu trăm mười ngàn đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn ông N V H, bà L T D 2.069.000đ (hai triệu không trăm sáu mươi chín ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003260 ngày 18-01-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà P T Y phải chịu 3.680.000đ (ba triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông N V H, bà L T D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14-6-2018).

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đông Hoà

Nơi nhận:
-Các đương sự (để thi hành);
-Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
-Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án.